

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng khu nhà thực hành
Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3715/SXD-HĐXD ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt dự án Xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.

2. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Lam Kinh.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập cho giáo viên và sinh viên của nhà trường.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Xây mới nhà thực hành 05 tầng với diện tích xây dựng khoảng 500 m² và các hạng mục phụ trợ (bể nước PCCC, nhà điều hành bơm...). Giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

8.1. Hạng mục: Nhà thực hành 05 tầng.

a. Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 05 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước (9,6 x 48,6) m; chiều cao công trình là 20,85 m (tính từ mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái) trong đó chiều cao tầng 1 là 3,9 m; chiều cao các tầng 2, 3, 4, 5 là 3,6 m, mái cao 2,1 m. Giao thông theo phương đứng sử dụng 02 cầu thang bộ, giao thông theo phương ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,4 m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí 03 phòng thực hành và 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 2, 3, 4, 5, mỗi tầng bố trí 03 phòng thực hành, 01 phòng nghỉ giáo viên và 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Nền, sàn các tầng lát gạch ceramic kích thước (500 x 500) mm.

- Tường xây gạch không nung; trát trần, trát tường trong và ngoài nhà, cột, dầm bằng VXM mác 75. Tường trong và ngoài lăn sơn trực tiếp.

- Mái xây tường thu hồi, gác xà gồ bằng thép hộp, phía trên lợp tôn chống nóng dày 0,4 mm;

- Cầu thang bộ: Bậc thang đổ BTCT tại chỗ, bậc xây gạch đặc không nung, mặt bậc cổ bậc ốp đá granite. Lan can bằng Inox, tay vịn Inox D60;

- Bậc tam cấp xây gạch đặc không nung VXM mác 75, mặt bậc, cổ bậc lát đá granite;

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng khung nhôm hệ, kính dày 6,38 mm. Hoa sắt cửa sổ dùng thép hộp.

b. Giải pháp kết cấu.

- Kết cấu móng: Sử dụng giải pháp móng cọc BTCT đá 1x2 mác 300 đổ tại chỗ, kích thước (300 x 300) mm. Dầm, giằng móng sử dụng BTCT đá 1x2 mác 300 đổ tại chỗ. Tường móng xây bằng gạch đặc VXM mác 75.

- Kết cấu phần thân: Sử dụng giải pháp khung BTCT chịu lực, cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 300 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình: (300 x 450) mm; (300 x 220) mm; (400 x 220) mm; tiết diện cột điển hình (220 x 400) mm; (220 x 600) mm; (300 x 400) mm và (300 x 600) mm. Sàn BTCT điển hình dày 120 mm.

c. Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện 1 pha từ hệ thống điện hiện có. Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống điện nhẹ cấp mạng đến từng tầng của công trình.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 0,6 m, dây thu sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6 mm dài 2,5 m. Dây tiếp địa bằng thép 25x3.

d. Giải pháp cấp thoát nước.

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước hiện có đưa vào bể nước ngầm sau đó được bơm lên téc nước đặt trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh và các phòng học bộ môn.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

e. Giải pháp phòng cháy chữa cháy trong nhà:

Chữa cháy tại chỗ sử dụng bình chữa cháy MFZ8; đầu phun Spinkler, nội quy và tiêu lệnh chữa cháy; hệ thống chữa cháy bằng họng nước vách tường (lăng phun và cuộn vòi); hệ thống báo cháy gồm: Đầu báo cháy khói, tổ hợp chuông đèn, nút ấn báo cháy, hệ thống đèn Exit, đèn sự cố, dây tín hiệu, hộp đầu nối, Module, sơ đồ thoát nạn.

8.2. Hạng mục: Bể PCCC + Nhà bơm và hạ tầng phụ trợ.

- Bể ngầm PCCC có kích thước (12 x 10,5 x 2,7) m, bên trong bể được chia thành bốn ngăn có cửa thông. Thành bể và đáy bể sử dụng BTCT toàn khối, bề mặt được đánh màu bằng xi măng nguyên chất. Phía trên bể xây nhà bơm kích thước mặt bằng (4,0 x 4,0) m, nền nhà bơm láng vữa xi măng, cửa đi bằng khung sắt hộp bịt tôn.

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện tổng. Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống mềm ruột gà.

- Đổ bê tông một số vị trí mặt sân hiện trạng.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 3677/SXD-HĐXD ngày 30/5/2025.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 19.966.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng : 17.526.419.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 503.274.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT : 1.703.310.000 đồng;
- Chi phí khác : 111.744.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 121.242.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

12. Nguồn vốn: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa).

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3715/SXD-HĐXD ngày 02/6/2025.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực X; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, CNXDKH_{HĐXD_TM.82}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xây dựng khu nhà thực hành Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	16.094.481.718	1.431.937.120	17.526.419.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	503.274.443		503.274.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	1.569.168.752	134.141.517	1.703.310.000
1	Chi phí khảo sát, lập quy hoạch tỷ lệ 1/500	158.700.926	12.696.074	171.397.000
2	Chi phí khảo sát địa chất	250.716.000	20.057.325	270.773.000
3	Chi phí đăng ký môi trường	12.091.667	967.333	13.059.000
4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	401.687.037	32.134.963	433.822.000
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	66.878.704	5.350.296	72.229.000
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	61.159.031	6.115.903	67.274.934
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát	3.968.822	396.882	4.365.704
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	486.375.238	48.637.524	535.012.761
9	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	32.188.963		32.188.963
10	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	5.000.000		5.000.000
11	Chi phí thẩm định giá	24.212.727	2.421.273	26.634.000
12	Chi phí nén tĩnh cọc	66.189.638	5.363.944	71.553.582
IV	CHI PHÍ KHÁC	110.456.276	1.287.559	111.744.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	12.875.585	1.287.559	14.163.144
2	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT	1.796.940		1.796.940
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	72.676.240		72.676.240
4	Chi phí thẩm duyệt PCCC	1.707.000		1.707.000
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	21.400.510		21.400.510
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			121.242.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			121.242.472
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN):			19.966.000.000